TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2019/HNGĐST
Ngày 18-4-2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Từ Tứ Hải**

2. Ông **Nguyễn Ngọc Chúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi -** Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST–HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Võ Văn K** – sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: số 120 Nguyễn Văn R, khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị M** – sinh năm 1982 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Võ Văn K trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị M chung sống với nhau vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh ngày 18/5/2007. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ

chồng tìm hiểu nhau trước khoảng 02 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống hàng ngày, mỗi ngày một nhiều hơn. Từ cuối năm 2015 thì chị M bỏ về nhà cha mẹ ruột ở tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang đến nay không về, chỉ thỉnh thoảng liên lạc bằng điện thoại và vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ đó đến nay. Nay anh K xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: anh K xác nhận vợ chồng có 02 con chung:

1. Võ Thị Ngọc G – sinh ngày 25/12/2007

2. Võ Minh S – sinh ngày 22/12/2012

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với chị M.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh K yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh K yêu cầu được ly hôn với chị M.

- *Về quan hệ con chung:* Anh K xin giao hai cháu Võ Thị Ngọc G - sinh ngày 25/12/2007 và Võ Minh S - sinh ngày 22/12/2012 cho chị M nuôi dưỡng, anh K không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết**.**

Do bị đơn chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do nên chị M không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn K được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị M vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa anh K yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M. Vì vậy, Hội

đồng xét xử thống nhất căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M.

Xét yêu cầu xin ly hôn và giao con cho chị M nuôi dưỡng của anh Võ Văn K, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy anh Võ Văn K và chị Nguyễn Thị M chung sống với nhau được Uỷ ban Nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 55/2007, ngày 18/5/2007 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] *Xét yêu cầu xin ly hôn của anh K:* Xét thấy, trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh và chị M chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống hàng ngày, mỗi ngày một nhiều hơn. Từ cuối năm 2015 thì chị M bỏ về nhà cha mẹ ruột ở tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang đến nay không về, chỉ thỉnh thoảng liên lạc bằng điện thoại và vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng anh chị không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chính vì thế, việc anh K yêu cầu được ly hôn với chị M là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Xét yêu cầu giao con cho chị M nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con của anh K:*

Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của cháu Võ Thị Ngọc G - sinh ngày 25/12/2007 thì nguyện vọng của cháu G là muốn được ở với mẹ là chị M. Mặt khác, từ năm 2015 đến nay hai cháu Võ Thị Ngọc G và Võ Minh S đang được chị M nuôi dưỡng, chị M vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của hai cháu, thiết nghĩ không nên làm xáo trộn về mặt tâm sinh lý của cháu G và cháu S. Do vậy, yêu cầu giao con cho chị M nuôi dưỡng của anh K là có căn cứ.

Anh K muốn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Nếu sau này chị Nguyễn Thị M có yêu cầu thay đổi quyền nuôi con hoặc có yêu cầu anh Võ Văn K cấp dưỡng nuôi con thì có thể khởi kiện thành một vụ kiện khác.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh K xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Võ Văn K:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Văn K được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Võ Thị Ngọc G - sinh ngày 25/12/2007 và cháu Võ Minh S - sinh ngày 22/12/2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Võ Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Võ Văn K phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Võ Văn K ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Võ Thị Ngọc G - sinh ngày 25/12/2007 và cháu Võ Minh S - sinh ngày 22/12/2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Võ Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Văn K được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Võ Văn K phải nộp 300.000đ

(Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005328 ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- UBND phường B, TP. T, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo